TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **131**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03/4/2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Lệ Thủy;

***- Các Hội thẩm nhân dân*:** Ông Phan Minh Tuấn; Ông Đoàn Văn Minh;

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Thành Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, về việc: Xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/3/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Mai Thị L; Sinh năm: 1980;** Nơi đăng ký HKTT: Tổ 6, phường X, quận N, thành phố Hà Nội; Địa chỉ nơi ở: Số 17, ngách 1, phường X, quận N, thành phố Hà Nội; *(Chị L có mặt)*

Bị đơn: Anh Nguyễn Viết T; Sinh năm: 1976; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 6, phường C, quận N, thành phố Hà Nội. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. *(Anh T vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2024, bản tự khai ngày 04/3/2024, quá trình giải quyết vụ án, chị Mai Thị L, là Nguyên đơn khai như sau:

Chị Mai Thị L và anh Nguyễn Viết T kết hôn năm 2001, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T *(Nay là: Phường X, quận X, thành phố Hà Nội).* Sau khi kết hôn chị L và anh T sống hạnh phúc

được một thời gian rất ngắn thì chị L phát hiện anh T nghiện Ma túy, thường xuyên chơi bời, không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình và vợ con. Vì vậy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng luôn luôn xảy ra, thường xuyên cãi nhau và đánh nhau. Chị L và gia đình hai bên đã tìm nhiều biện pháp để khuyên ngăn anh T nhưng không có kết quả, mâu thuẫn giữa hai anh chị ngày càng nhiều hơn. Tháng 11/2013, anh T bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 17 năm tù về tội:*"Mua bán trái phép chất ma túy".* Hiện nay, anh T đang chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trong thời gian anh T đi thi hành án, chị L vẫn thường xuyên đến thăm anh T, từ năm 2022 đến nay, anh T không cho chị L đến thăm nữa. Cũng vì lý do này mà chị L và anh T không còn liên lạc với nhau. Nay chị L xác định tình cảm của chị đối với anh T không còn, chị L đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Phương La, sinh ngày 07/10/2001. Hiện nay cháu La đã thành niên, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, anh Nguyễn Viết T khai như sau: Anh T và chị Mai Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm *(Nay là: Phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội)*. Quá trình chung sống, hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhưng anh T xác định đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ, không trầm trọng đến mức phải dẫn đến ly hôn. Đến năm 2013, anh T vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu khi anh T đi chấp hành án thì chị L vẫn thường xuyên đến thăm nom anh. Cho đến thời gian gần đây thì anh T không cho chị L đến thăm nữa. Hiện nay chị L làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn thì anh T không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị L. Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Phương La, sinh ngày 07/10/2001. Hiện nay cháu La đã trưởng thành, có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với anh T như đã trình bày ở trên. Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28; 68; 195; 196; 203 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70; 71; 72; 234 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị L đối với anh Nguyễn Viết T. Chị L được ly hôn anh T. Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Phương La, sinh ngày 07/10/2001. Hiện nay cháu La đã thành niên, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét về con chung, về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Mai Thị L xin ly hôn đối với anh Nguyễn Viết T. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, đây là vụ án Hôn nhân & Gia đình, tranh chấp về ly hôn, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Viết T hiện đang chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tiến hành thu thập chứng cứ, tiến hành lấy lời khai của anh T. Anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt, vì lý do hiện nay anh T đang phải chấp hành án nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án theo triệu tập của Tòa án được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, thuộc trường hợp vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, anh T có đơn xin vắng mặt có lý do: hiện đang chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, anh T nên không tham gia tố tụng tại phiên tòa được. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T tại phiên tòa.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Tại phiên tòa, chị Mai Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Viết T; Về con chung: Chị Mai Thị L và anh Nguyễn Viết T có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Phương La, sinh ngày 07/10/2001. Cháu La đã thành niên, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị L và anh Nguyễn Viết T kết hôn năm 2001, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị L khai: Chị L và anh T sống hạnh phúc được một thời gian rất ngắn thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T nghiện Ma túy, thường xuyên chơi bời, không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình và vợ con, nên anh chị thường xuyên cãi nhau và đánh nhau. Chị L và gia đình hai bên đã tìm nhiều biện pháp để khuyên ngăn anh T nhưng không có kết quả, mâu thuẫn giữa hai anh chị ngày càng nhiều hơn. Tháng 11/2013, anh T bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 17 năm tù về tội: *"Mua bán trái phép chất ma túy"*. Hiện nay, anh T đang chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trong thời gian anh T đi thi hành án, chị L vẫn thường xuyên đến thăm anh T, từ năm 2022 đến nay, anh T không cho chị L đến thăm nữa. Cũng vì lý do này mà chị L và anh T không còn liên lạc với nhau. Nay chị L xác định tình cảm của chị đối với anh T không còn, chị L đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, anh Nguyễn Viết T khai: Quá trình chung sống, hai vợ chồng anh phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhưng anh T xác định đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ, không trầm trọng đến mức phải dẫn đến ly hôn. Đến năm 2013, anh T vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu khi anh T đi chấp hành án thì chị L vẫn thường xuyên

đến thăm nom anh. Cho đến thời gian gần đây thì anh T không cho chị L đến thăm nữa. Hiện nay chị L làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn thì anh T không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị L.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị L xin ly hôn anh T là có căn cứ, nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình cho chị L được ly hôn với anh T;

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh T khai: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương La, sinh ngày 07/10/2001. Cháu La đã thành niên, chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giành quyền khởi kiện cho chị L, anh T khi có yêu cầu, sẽ được giải quyết trong vụ án khác theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với việc giải quyết vụ án: Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

[6] Về quyền kháng cáo: Chị L, anh T có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị L đối với anh Nguyễn Viết T. Chị L được ly hôn anh T;

2. Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương La, sinh ngày 07/10/2001. Cháu La đã thành niên, chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét;

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét;

4. Về án phí*:* Chị Mai Thị L phải chịu 300.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ghi nhận chị L đã nộp 300.000 đồng *(Bằng chữ:Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội *(Biên lai số 09380 ngày 04/3/2024)* nay chuyển thành án phí. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- UBND P.Xuân Phương, Q.Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội (Số: 17; Quyển số: 01);
- Lưu HS-VP.

Đỗ Thị Lệ Thủy